

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2019/DS-PT
Ngày: 17-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

2. Bà Lê Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959.

Cư trú tại: Số 143/20, Ô 5, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thiên K, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Số 564, ấp S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Quang T, sinh năm 1975;

Cư trú tại: Số 564, ấp S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Trần Thị Thiên K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Quang T.

(Ông L, bà K và ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc Thịnh trình bày: Ông L và bà K là chỗ quen biết với nhau. Từ năm 2014, ông L có bán thức ăn nuôi bò với bà K, việc mua bán giữa hai bên đã diễn ra từ lâu và là chỗ quen biết nên hai bên không có làm hợp đồng. Đến tháng 11/2018, bà K không thanh toán tiền mua cám cho ông L nữa và nợ lại số tiền 140.000.000 đồng. Sự việc này hai bên có lập bảng chốt nợ.*

Tại phiên tòa hôm nay, ông Thịnh đại diện ông L yêu cầu bà K và chồng bà K là ông Đỗ Quang T liên đới hoàn trả số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ tổng cộng là 140.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn là bà Trần Thị Thiên K trình bày: Bà thừa nhận, bà có mua thức ăn gia súc của ông L và mỗi lần mua cám bà đều thanh toán cho ông L một phần, còn lại thì gói đầu đến đợt sau. Đến khoảng năm 2016 thì bà làm ăn thất bại nên ngưng không nuôi bò nữa. Hai bên chốt lại số nợ tiền cám và bà nợ ông L hơn 200.000.000 đồng, sau đó bà đã trả dần hàng tháng và đến thời điểm này còn nợ ông L số tiền 140.000.000 đồng.*

Nay ông L yêu cầu bà hoàn trả số tiền nợ 140.000.000 đồng thì bà đồng ý trả nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng vì hiện nay bà làm ăn gặp khó khăn không có khả năng thanh toán một lần số tiền trên. Riêng chồng bà là ông Đỗ Quang T mặc dù có biết việc này nhưng không liên quan, vì đây là do cá nhân bà chăn nuôi để có thu nhập riêng nên bà không đồng ý việc ông L yêu cầu chồng bà liên đới trả số tiền trên.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quang T trình bày: Ông là chồng của bà Trần Thị Thiên K, sự việc vợ ông chăn nuôi và mua thức ăn gia súc của ông L thì ông có được biết, tuy nhiên ông không liên quan đến việc này vì vợ ông chăn nuôi chung với chị em của vợ ông và để có thu nhập riêng cho cá nhân vợ ông nên ông không đồng ý liên đới thanh toán số tiền 140.000.000 đồng. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, do công việc nhiều không có thời gian tham gia phiên tòa.*

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 14/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán” đối với bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T.

Buộc bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), thanh toán 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà K và ông T liên đới nộp 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003935 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 26/3/2019, bị đơn là bà Trần Thị Thiên K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Quang T kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể:

Bà K yêu cầu xin trả dần cho ông Nguyễn Văn L mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Ông T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà K trả cho ông L số tiền 140.000.000 đồng.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn

theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Về việc bà Trần Thị Thiên K kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Thiên K trình bày đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn L tổng cộng 140.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn nên bà K yêu cầu xin trả dần cho ông L mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 140.000.000 đồng. Còn ông L thì không đồng ý cho bà K trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Xét bà K xin trả dần nhưng ông L không đồng ý và pháp luật cũng không có quy định vấn đề trả dần nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà K.

Về việc ông Đỗ Quang T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà Trần Thị Thiên K trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 140.000.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận có biết việc bà K mua thức ăn của ông L để nuôi bò sữa. Còn bà K trình bày mục đích nuôi bò sữa là để phát triển kinh tế gia đình và chơi hụi. Do bị giật hụi nên bà K không có tiền trả cho ông L. Xét việc bà K mua thức ăn của ông L để nuôi bò sữa nhằm tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình. Do đó, ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà K trả cho ông L 140.000.000 đồng tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán thức ăn nuôi bò sữa theo quy định tại các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc bà Trần Thị Thiên K kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Thiên K trình bày đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn L tổng cộng 140.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn nên bà K yêu cầu xin trả dần cho ông L mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 140.000.000 đồng. Còn ông L thì không đồng ý cho bà K trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Do các đương sự không thỏa thuận được thời hạn và

phương thức trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để công nhận. Việc bà K trả số tiền trên cho ông L ở giai đoạn thi hành án sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

[3] Về việc ông Đỗ Quang T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà Trần Thị Thiên K trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 140.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận có biết việc bà K mua thức ăn của ông L để nuôi bò sữa. Tuy nhiên, ông T không đồng ý liên đới cùng bà K trả cho ông L số tiền 140.000.000 đồng với lý do ông T không có ký nhận nợ với ông L. Còn bà K trình bày mục đích nuôi bò sữa là để phát triển kinh tế gia đình và chơi hụi. Do bị giật hụi nên bà K không có tiền trả cho ông L. Xét việc bà K mua thức ăn của ông L để nuôi bò sữa nhằm tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình. Do đó, ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà K trả cho ông L 140.000.000 đồng tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán thức ăn nuôi bò sữa theo quy định tại các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Từ nhận định ở các đoạn [2] và [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L được chấp nhận là: $05\% \times 140.000.000 \text{ đồng} = 7.000.000 \text{ đồng}$.

Bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán” đối với bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T.

Buộc bà Trần Thị Thiên K và ông Đỗ Quang T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), thanh toán 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà K và ông T liên đới nộp 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003935 ngày 25/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Trần Thị Thiên K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004338 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa nên bà K không phải nộp tiếp.

Buộc ông Đỗ Quang T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004339 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa nên ông T không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn